

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NSNN NĂM 2025
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	241,598,897,087	Tổng số chi	241,583,121,087
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	3,101,997,165	1. Chi đầu tư phát triển	45,881,538,841
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	5,704,341,949	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính		3. Chi thường xuyên	184,844,203,380
4. Thu kết dư năm trước		4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
5. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	6,582,012,679	5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	
6. Thu viện trợ		6. Chi chuyển nguồn sang năm sau	10,733,201,866
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	226,210,545,294	7. Chi nộp ngân sách cấp trên	124,177,000
<i>Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>141,129,701,000</i>	8. Chi hỗ trợ địa phương khác	
<i>- Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>85,080,844,294</i>	9. Chi viện trợ	
8. Thu ngân sách cấp dưới nộp lên		10. Chi cho vay	
		11. Các nhiệm vụ chi khác	
- Kết dư ngân sách năm quyết toán	15,776,000		

UBND Xã: Hồng Châu

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ N

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu ngân sách xã	186,392,000,000	149,495,000,000
A	Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	186,392,000,000	149,495,000,000
I	Các khoản thu 100%	969,000,000	969,000,000
1	Phí, lệ phí	97,000,000	97,000,000
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	740,000,000	740,000,000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	0	0
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định	0	0
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước	0	0
9	Thu khác	132,000,000	132,000,000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	44,292,000,000	7,395,000,000
1	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	0	
2	Thuê thu nhập cá nhân	193,000,000	154,000,000
3	Các khoản thu phân chia (1)	0	
4	Thuê sử dụng đất phi nông nghiệp	261,000,000	261,000,000
5	Thu từ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	0	0
6	Thuê thu nhập doanh nghiệp	0	
7	Lệ phí trước bạ nhà, đất	271,000,000	271,000,000
8	Thuế Giá trị gia tăng	267,000,000	214,000,000
9	Các khoản thu phân chia khác do tỉnh quy định	43,300,000,000	6,495,000,000
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	141,131,000,000	141,131,000,000
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	141,131,000,000	141,131,000,000
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên		
IV	Thu từ NS cấp dưới nộp lên		
V	Thu chuyên nguồn	0	
VI	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)	0	0

Biểu số 117/CK TC - NSNN

ĂM 2025
chuán)

Đơn vị: đồng

QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
253,881,779,329	241,598,897,087	136.21%	161.61%
253,881,779,329	241,598,897,087	136.21%	161.61%
3,161,589,695	1,792,848,692	326.27%	185.02%
233,274,000	159,615,000	240.49%	164.55%
1,345,702,894	1,345,702,894	181.85%	181.85%
0			
0			
0			
1,582,612,801	287,530,798	1198.95%	217.83%
17,838,416,661	7,013,490,422	40.27%	94.84%
0			
4,660,991,564	3,366,597,895	2415.02%	2186.10%
0			
254,726,313	237,101,738	97.60%	90.84%
0			
277,058,153			
4,980,653,745	1,072,046,735	1837.88%	395.59%
4,056,085,473	644,215,954	1519.13%	301.04%
3,608,901,413	1,693,528,100	8.33%	26.07%
226,210,545,294	226,210,545,294	160.28%	160.28%
141,129,701,000	141,129,701,000		
85,080,844,294	85,080,844,294		
89,215,000			
6,582,012,679	6,582,012,679		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ N
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			TỔNG SỐ
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CHI	149,495,000,000	6,495,000,000	143,000,000,000	241,583,121,087
	Trong đó:				
1	Chi cho công tác an ninh - quốc phòng	2,273,000,000		2,273,000,000	8,910,672,153
2	Chi giáo dục	97,229,000,000		97,229,000,000	124,305,924,554
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		0	0
4	Chi y tế	193,000,000		193,000,000	1,036,774,000
5	Chi văn hóa, thông tin	242,000,000		242,000,000	694,242,000
6	Chi phát thanh, truyền thanh	373,000,000		373,000,000	373,000,000
7	Chi thể dục, thể thao	185,000,000		185,000,000	185,000,000
8	Chi bảo vệ môi trường	210,000,000		210,000,000	0
	Chi sự nghiệp kinh tế	1,688,000,000		1,688,000,000	18,823,359,955
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	27,648,000,000		27,648,000,000	58,838,614,095
11	Chi cho công tác xã hội	7,136,000,000		7,136,000,000	17,558,155,464
12	Chi khác	0		0	0
13	Dự phòng	5,823,000,000		5,823,000,000	0
14	Chi nộp ngân sách cấp trên				124,177,000
15	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	0			10,733,201,866

Biểu số 118/CK TC - NSNN

ĂM 2025

in)

Đơn vị: đồng

QUYẾT TOÁN		SO SÁNH QT/DT(%)		
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
45,881,538,841	195,701,582,246	161.60%	706.41%	136.85%
5,737,600,000	3,173,072,153	392.02%		139.60%
18,107,220,054	106,198,704,500	127.85%		109.23%
1,036,774,000		537.19%		0.00%
	694,242,000	286.88%		286.88%
	373,000,000	100.00%		100.00%
	185,000,000	100.00%		100.00%
15,439,109,955	3,384,250,000	1115.13%		200.49%
2,974,891,768	55,863,722,327	212.81%		202.05%
2,585,943,064	14,972,212,400	246.05%		209.81%
	124,177,000			
	10,733,201,866			